

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 9 - 2019.
V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Danh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Diệu Hiền.
2. Ông Lê Quang Thơm.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thanh Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2019 và ngày 05 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 44/2019/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 02 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 8 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 21 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Khánh V - sinh năm: 1974 (*có mặt*).

Địa chỉ: 68, đường T, khóm M, Phường H, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh Phan Thành T - sinh năm: 1973 (*vắng mặt không lý do*).

Địa chỉ: 39, rạch C, khóm H, Phường M, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn là chị Trần Thị Khánh V trình bày:

- Về hôn nhân: Chị V và anh T quen biết và tìm hiểu nhau được khoảng 01 năm thì tổ chức đám cưới vào năm 2002, đăng ký kết hôn vào ngày 20/8/2002 tại UBND Phường 2, thị xã Sa Đéc (*nay là thành phố Sa Đéc*), tỉnh Đồng Tháp. Sau khi kết hôn chị V về sống chung bên nhà của anh T; vợ chồng chung sống không

có hạnh phúc, do tính tình, quan điểm, cách sống không phù hợp nhưng do trong thời gian này, vợ chồng mới cưới nên chị V cũng ráng chịu đựng, hy vọng thời gian vợ chồng sẽ chung sống hòa hợp. Tuy nhiên càng về sau chị V nhận thấy mâu thuẫn càng nhiều hơn, chị V và anh T không thể hòa hợp được, hai bên không có tiếng nói chung. Trầm trọng nhất là vào năm 2015, anh T đi làm ăn ở Phú Quốc, không còn quan tâm đến gia đình, vợ con; anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, nhưng chị V không có chứng cứ chứng minh. Do bản thân chị V cũng đã xác định được mình không còn tình cảm với anh T nên chị V chấp nhận buông bỏ tất cả, anh T muốn làm gì làm, có quen biết, quan hệ tình cảm với ai thì tùy, chị V không còn quan tâm đến việc làm, sinh hoạt của anh T.

Tháng 10/2018, chị V có nộp đơn yêu cầu ly hôn anh T, nhưng do anh T không đồng ý. Sau đó chị V đã rút đơn kiện để cho vợ chồng cơ hội hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, sau đó anh T vẫn không tới lui, không liên lạc điện thoại, không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng và không quan tâm đến chị V. Cũng từ tháng 4/2018 đến nay, chị V và anh T đã không còn sống chung với nhau nữa.

Nay chị V xác định không còn tình cảm với anh T; cuộc sống hôn nhân với anh T không có hạnh phúc, chị V không còn quan tâm, thương yêu, lo lắng cho anh T. Chị V yêu cầu được ly hôn anh T.

- Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Phan Thành T1 - sinh ngày: 23/10/2003 và Phan Thành N - sinh ngày: 01/6/2006 (*hiện 02 con chung đang sống với anh T*). Khi ly hôn, chị V đồng ý giao 02 con chung cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng; chị V không cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị V xác định là không có, chị V không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, bị đơn là anh Phan Thành T không đến Tòa án tham gia hòa giải nhưng có văn bản ý kiến trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T xác định vẫn còn tình cảm với chị V, anh T mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng lo cho các con. Anh T không đồng ý ly hôn chị V.

- Về nuôi con chung: Trường hợp phải ly hôn, anh T yêu cầu được nuôi 02 con chung tên Phan Thành T1 - sinh ngày: 23/10/2003 và Phan Thành N - sinh ngày: 01/6/2006 (*hiện 02 con chung đang sống với anh T*). Anh T không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, con của chị V, anh T là cháu Phan Thành T1 và cháu Phan Thành N trình bày: Cả hai cháu T1 và N đều có nguyện vọng là chị V, anh T không ly hôn và được sống chung với chị V, anh T.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn anh Phan Thành T không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đại diện Viện kiểm sát thống nhất với trình tự thủ tục tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn là anh Phan Thành T.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Khánh V.

+ Về nuôi con chung: Giao 02 con chung tên Phan Thành T1 - sinh ngày: 23/10/2003 và Phan Thành N - sinh ngày: 01/6/2006 (*hiện 02 con chung đang sống với anh T*) cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng. Do anh T không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về chia tài sản chung và nợ chung: Do các bên đương sự đều xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Trần Thị Khánh V khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Phan Thành T là loại vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn là anh Phan Thành T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do; do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị Khánh V và anh Phan Thành T chung sống vợ chồng từ năm 2002, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 20/8/2002 tại UBND Phường 2, thị xã Sa Đéc (*nay là thành phố Sa Đéc*), tỉnh Đồng Tháp. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh T được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, giữa chị V và anh T không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, về tính tình, quan điểm sống của mỗi người đều khác nhau; anh T thường xuyên đi xa, vắng nhà, không quan tâm đến chị V nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Trước đây, vào tháng 10 năm 2018, chị V cũng đã nộp đơn khởi kiện xin được ly hôn anh T nhưng được Tòa án động viên, hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ tiếp tục chung sống nên chị V đã rút đơn kiện để cho vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm. Sau khi vợ chồng được đoàn tụ tiếp tục chung sống nhưng cuộc sống giữa chị V và anh T vẫn không có hạnh phúc; anh T vẫn không tới lui, không liên lạc điện thoại, không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng và không quan tâm đến chị V. Từ tháng 4/2018 đến nay, chị V và anh T đã không còn sống chung với nhau, vợ chồng không có sự quan tâm lẫn nhau. Quá trình làm việc, Tòa

án cũng đã động viên chị V nhiều lần để vợ chồng hàn gắn tình cảm, cùng chung lo cho 02 con nhưng chị V vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh T , chị V không đồng ý đoàn tụ chung sống với anh T . Tại phiên tòa, chị V xác định không còn tình cảm với anh T ; cuộc sống hôn nhân với anh T không có hạnh phúc, chị V không còn quan tâm, thương yêu, lo lắng cho anh T . Chị V cương quyết yêu cầu xin được ly hôn anh T .

Về phía anh T ; tuy có văn bản ý kiến trình bày, mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng kể từ khi chị V rút đơn kiện để cho anh T có cơ hội hàn gắn lại tình cảm gia đình nhưng trong một thời gian dài, từ khi chị V rút đơn kiện (09/10/2018) đến nay thì anh T cũng không gặp chị V để hàn gắn lại tình cảm, không tới lui, liên lạc điện thoại, không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng và không quan tâm đến chị V ; điều đó cho thấy anh T không muốn hàn gắn lại tình cảm gia đình trong khi chị V đã tạo điều kiện cho vợ chồng có thời gian và cơ hội để hàn gắn tình cảm. Việc anh T có văn bản ý kiến trình bày cho rằng vẫn còn thương vợ, không muốn ly hôn với chị V là không có cơ sở; bởi lẽ, trong quá trình tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, anh T đều không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án để Tòa án làm việc, không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, không tham dự các buổi hòa giải và xét xử theo quy định của pháp luật; như vậy, anh T đã từ bỏ các quyền và nghĩa vụ của mình do pháp luật quy định.

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được...”

Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh T đã phát sinh từ lâu và đã thực sự trầm trọng, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, không có sự quan tâm, chia sẻ, tin tưởng lẫn nhau; cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân trong một thời gian dài. Trước đây, chị V cũng đã nộp đơn đến Tòa án yêu cầu xin ly hôn anh T nhưng được Tòa án động viên, hòa giải cho vợ chồng được đoàn tụ tiếp tục chung sống. Tuy nhiên, sau khi được đoàn tụ, vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng cuộc sống hôn nhân giữa chị V và anh T vẫn không có hạnh phúc; Giữa chị V và anh T cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến nay, anh T đều không đến Tòa án tham gia hòa giải, từ đó cho thấy bản thân anh T cũng không có thành ý muốn hòa giải, đoàn tụ tiếp tục chung sống với chị V . Nếu chị V và anh T đoàn tụ tiếp tục chung sống thì cũng không có hạnh phúc. Tại phiên tòa hôm nay, chị V xác định là không còn tình cảm, không muốn hàn gắn, tiếp tục chung sống với anh T , chị V yêu cầu được ly hôn anh T . Do đó, xét thấy việc chị V yêu cầu xin được ly hôn anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nuôi con chung: Khi ly hôn chị V đồng ý giao 02 con chung tên Phan Thành T - sinh ngày: 23/10/2003 và Phan Thành N - sinh ngày: 01/6/2006 (*hiện 02 con chung đang sống với anh T*) cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng, chị V không cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Về phía anh T có yêu cầu được nuôi 02 con chung, Anh T không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Ý kiến của 02 cháu là không muốn cha mẹ ly hôn và được sống chung với chị V, anh T.

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, ...

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cả hai cháu T1 và N đều là con trai, hiện tại cả 02 cháu đang sống ổn định bên gia đình anh T, được anh T và gia đình quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng và dành nhiều tình thương cho 02 cháu. Vì vậy, để đảm bảo ổn định phát triển tâm sinh lý của 02 cháu; Hội đồng xét xử xét thấy nên tiếp tục giao 02 cháu T và N cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của 02 cháu trong sinh hoạt, học tập. Chị V không cấp dưỡng nuôi 02 con chung và được quyền tới lui thăm nom 02 con chung, không ai được quyền cản trở là phù hợp với các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị V, anh T cùng xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Hội đồng xét xử không đặt thành vấn đề xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Khánh V nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*) theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Khánh V .
Cho chị Trần Thị Khánh V ly hôn anh Phan Thành T .

2. Về nuôi con chung: Anh Phan Thành T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Phan Thành T1 - sinh ngày: 23/10/2003 và Phan Thành N - sinh ngày: 01/6/2006 (*hiện 02 con chung đang sống với anh T*). Anh T không yêu cầu chị Trần Thị Khánh V cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

- Chị Trần Thị Khánh V có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Khánh V nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị V đã nộp ngày 26/02/2019 theo biên lai thu số 0003681 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phan Thành T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo luật định./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh DT;
- VKSND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- **UBND Phường 2, TP Sa Đéc;**
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

Trần Quốc Danh

